



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

THÁNG 07 NĂM 2024





TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ<br>30/06/2024 | Số đầu kỳ<br>01/01/2024  |
|----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>9.827.218.412.352</b> | <b>8.684.761.070.517</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>822.159.807.991</b>   | <b>1.148.046.548.327</b> |
| Tiền                                         | 111        |             | 822.159.807.991          | 1.148.046.548.327        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | <b>2.672.061.926.772</b> | <b>2.156.059.870.662</b> |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 123        | V.2         | 2.672.061.926.772        | 2.156.059.870.662        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>2.056.563.391.882</b> | <b>2.250.154.557.138</b> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131        | V.3         | 1.954.136.786.719        | 2.210.016.402.301        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132        | V.4         | 58.993.814.643           | 27.149.006.201           |
| Phải thu ngắn hạn khác                       | 136        | V.5         | 69.070.753.511           | 37.957.777.843           |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)        | 137        | V.3         | (25.637.962.991)         | (24.968.629.207)         |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> |             | <b>3.880.415.275.415</b> | <b>2.941.803.664.808</b> |
| Hàng tồn kho                                 | 141        | V.6         | 4.140.005.516.328        | 3.025.473.267.143        |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)            | 149        | V.6         | (259.590.240.913)        | (83.669.602.335)         |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>396.018.010.292</b>   | <b>188.696.429.582</b>   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151        | V.7         | 15.876.677.138           | 17.239.229.524           |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ          | 152        | V.14        | 380.141.333.154          | 171.457.200.058          |



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

**Mẫu số B01 – DN**

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                              | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ<br>30/06/2024  | Số đầu kỳ<br>01/01/2024   |
|--------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>            | <b>200</b> |             | <b>2.638.486.966.062</b>  | <b>2.712.779.679.317</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b> | <b>210</b> |             | <b>4.704.160.000</b>      | <b>3.286.160.000</b>      |
| Phải thu dài hạn khác                | 216        | V.5         | 4.704.160.000             | 3.286.160.000             |
| <b>II. Tài sản cố định</b>           | <b>220</b> |             | <b>1.860.717.031.505</b>  | <b>2.008.841.153.646</b>  |
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b>      | <b>221</b> | <b>V.8</b>  | <b>1.737.241.246.973</b>  | <b>1.887.433.645.135</b>  |
| - Nguyên giá                         | 222        |             | 4.295.391.663.243         | 4.293.260.785.685         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*)          | 223        |             | (2.558.150.416.270)       | (2.405.827.140.550)       |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>       | <b>227</b> | <b>V.9</b>  | <b>123.475.784.532</b>    | <b>121.407.508.511</b>    |
| - Nguyên giá                         | 228        |             | 140.591.476.727           | 137.777.526.727           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*)          | 229        |             | (17.115.692.195)          | (16.370.018.216)          |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>   | <b>240</b> | <b>V.10</b> | <b>37.082.417.364</b>     | <b>3.925.940.000</b>      |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang      | 242        |             | 37.082.417.364            | 3.925.940.000             |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>   | <b>250</b> |             | <b>415.250.000.000</b>    | <b>415.240.000.000</b>    |
| Đầu tư vào công ty con               | 251        | V.11        | 144.610.000.000           | 144.600.000.000           |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn      | 255        | V.2         | 270.640.000.000           | 270.640.000.000           |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>      | <b>260</b> |             | <b>320.733.357.193</b>    | <b>281.486.425.671</b>    |
| Chi phí trả trước dài hạn            | 261        | V.7         | 264.417.747.236           | 260.488.810.186           |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại       | 262        |             | 56.315.609.957            | 20.997.615.485            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>             | <b>270</b> |             | <b>12.465.705.378.414</b> | <b>11.397.540.749.834</b> |



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                                    | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ<br>30/06/2024  | Số đầu kỳ<br>01/01/2024   |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                        | <b>300</b> |             | <b>8.683.610.893.160</b>  | <b>7.831.323.533.539</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                        | <b>310</b> |             | <b>8.627.925.229.198</b>  | <b>7.831.323.533.539</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn                                  | 311        | V.12        | 2.155.057.443.000         | 1.327.148.512.561         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn                            | 312        | V.13        | 61.009.638.644            | 61.552.162.667            |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                          | 313        | V.14        | 128.787.005.201           | 29.883.500.120            |
| Phải trả người lao động                                      | 314        |             | 19.661.077.118            | 28.696.600.549            |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                                    | 315        |             | 20.107.743.363            | 51.491.307.128            |
| Phải trả ngắn hạn khác                                       | 319        | V.15        | 14.308.792.846            | 528.903.058.260           |
| Vay ngắn hạn                                                 | 320        | V.16        | 6.189.311.517.109         | 5.770.940.470.705         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                    | 322        |             | 39.682.011.917            | 32.707.921.549            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                                        | <b>330</b> |             | <b>55.685.663.962</b>     | <b>-</b>                  |
| Trái phiếu chuyển đổi                                        | 339        | V.17        | 55.685.663.962            | -                         |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     | <b>400</b> |             | <b>3.782.094.485.254</b>  | <b>3.566.217.216.295</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> | V.18        | <b>3.782.094.485.254</b>  | <b>3.566.217.216.295</b>  |
| Vốn góp của chủ sở hữu                                       | 411        |             | 1.146.915.100.000         | 1.146.915.100.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411A       |             | 1.146.915.100.000         | 1.146.915.100.000         |
| Thặng dư vốn cổ phần                                         | 412        |             | 834.436.453.483           | 834.436.453.483           |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                             | 413        |             | 1.931.977.742             | 1.931.977.742             |
| Quỹ đầu tư phát triển                                        | 418        |             | 3.430.602.730             | 3.430.602.730             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>                     | <b>421</b> |             | <b>1.795.380.351.299</b>  | <b>1.579.503.082.340</b>  |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421A       |             | 1.554.326.814.886         | 1.327.740.407.797         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421B       |             | 241.053.536.413           | 251.762.674.543           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>12.465.705.378.414</b> | <b>11.397.540.749.834</b> |

Ngày 29 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phan Diệp Quế Trâm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình

Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondongacom.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**QUÝ II NĂM 2024**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                           | Mã số | Thuyết minh | QUÝ II            |                   | LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM |                   |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|                                                                                    |       |             | Năm 2024          | Năm 2023          | Năm 2024          | Năm 2023          |
| 1                                                                                  | 2     | 3           | 4                 | 5                 | 6                 | 7                 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                          | 1     | VI.1        | 5.951.554.150.021 | 4.727.519.188.240 | 9.989.521.826.825 | 8.663.443.165.262 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                                    | 2     |             | 3.713.149.668     | 4.886.142.247     | 6.677.484.467     | 7.532.527.223     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)                  | 10    |             | 5.947.841.000.353 | 4.722.633.045.993 | 9.982.844.342.358 | 8.655.910.638.039 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                                | 11    | VI.2        | 5.408.656.085.180 | 4.422.916.014.079 | 9.100.303.801.307 | 8.041.347.910.223 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)                    | 20    |             | 539.184.915.173   | 299.717.031.914   | 882.540.541.051   | 614.562.727.816   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                                   | 21    | VI.1        | 130.542.520.051   | 147.126.266.538   | 211.138.322.377   | 221.906.889.981   |
| 7. Chi phí tài chính                                                               | 22    | VI.3        | 104.916.922.477   | 99.951.682.418    | 165.687.949.791   | 199.359.822.782   |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                        | 23    |             | 65.371.328.560    | 92.380.269.649    | 116.453.334.119   | 173.673.790.060   |
| 8. Chi phí bán hàng                                                                | 25    | VI.4        | 351.678.932.158   | 234.437.820.161   | 592.674.304.903   | 411.732.012.984   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                    | 26    | VI.5        | 20.463.354.743    | 15.658.940.584    | 36.431.797.931    | 26.273.511.310    |
| 10. Lợi nhuận thuần (lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30    |             | 192.668.225.846   | 96.794.855.289    | 298.884.810.803   | 199.104.270.721   |
| 11. Thu nhập khác                                                                  | 31    | VI.6        | 2.866.399.290     | 976.358.597       | 4.540.764.329     | 2.105.696.383     |
| 12. Chi phí khác                                                                   | 32    | VI.6        | 6.348.614         | (74.517.245)      | 6.348.614         | 48.468            |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)                                                  | 40    |             | 2.860.050.676     | 1.050.875.842     | 4.534.415.715     | 2.105.647.915     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                               | 50    |             | 195.528.276.522   | 97.845.731.131    | 303.419.226.518   | 201.209.918.636   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                   | 51    | VI.7        | 52.913.580.851    | 14.557.138.990    | 97.683.684.577    | 14.557.138.990    |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                    | 52    | VI.7        | (13.405.409.186)  | (19.778.322.987)  | (35.317.994.472)  | (10.713.295.319)  |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)                   | 60    |             | 156.020.104.857   | 103.066.915.128   | 241.053.536.413   | 197.366.074.965   |

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phan Diệp Quế Trâm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 29 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****06 THÁNG NĂM 2024**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                             | Mã số     | 06 THÁNG NĂM 2024        | 06 THÁNG NĂM 2023        |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                    |           |                          |                          |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                          | <b>1</b>  | <b>303.419.226.518</b>   | <b>201.209.918.636</b>   |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                                     |           |                          |                          |
| Khấu hao và hao mòn                                                                  | 2         | 153.210.529.836          | 155.190.552.276          |
| Trích lập các khoản dự phòng                                                         | 3         | 176.589.972.362          | 62.837.825.375           |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 4         | 18.410.469.695           | 4.131.674.031            |
| Lãi từ hoạt động đầu tư                                                              | 5         | (110.539.575.439)        | (135.568.587.884)        |
| Chi phí lãi vay                                                                      | 6         | 116.453.334.119          | 173.673.790.060          |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                 | <b>8</b>  | <b>657.543.957.091</b>   | <b>461.475.172.494</b>   |
| Tăng các khoản phải thu                                                              | 9         | (9.895.927.468)          | (372.445.786.704)        |
| Tăng hàng tồn kho                                                                    | 10        | (1.114.532.249.185)      | (194.147.835.386)        |
| Tăng(giảm) các khoản phải trả                                                        | 11        | 295.600.240.178          | (114.254.373.510)        |
| Tăng(giảm) chi phí trả trước                                                         | 12        | (2.566.384.664)          | 5.811.317.345            |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                  | 14        | (119.453.592.399)        | (181.138.602.039)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                    | 15        | (17.895.149.645)         | -                        |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                               | 17        | (18.202.516.780)         | (21.312.054.129)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>                        | <b>20</b> | <b>(329.401.622.872)</b> | <b>(416.012.161.929)</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                       |           |                          |                          |
| Tiền chi để mua sắm tài sản cố định                                                  | 21        | (38.242.885.059)         | (17.790.203.725)         |
| Tiền thu do thanh lý tài sản cố định                                                 | 22        | 5.603.637                | -                        |
| Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay                       | 23        | (5.572.906.318.091)      | (4.834.953.909.570)      |
| Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay     | 24        | 5.056.904.261.981        | 5.261.163.219.604        |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                              | 25        | (10.000.000)             | -                        |
| Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay                          | 27        | 106.479.936.966          | 132.744.985.730          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                            | <b>30</b> | <b>(447.769.400.566)</b> | <b>541.164.092.039</b>   |



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ(TIẾP THEO)**

06 THÁNG NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                   | Mã số | 06 THÁNG NĂM 2024   | 06 THÁNG NĂM 2023   |
|------------------------------------------------------------|-------|---------------------|---------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>         |       |                     |                     |
| Tiền thu từ đi vay                                         | 33    | 9.207.633.448.491   | 8.250.530.252.617   |
| Tiền chi trả nợ gốc vay                                    | 34    | (8.753.874.216.440) | (8.310.430.867.362) |
| Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu                               | 36    | (1.756.335.350)     | -                   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính | 40    | 452.002.896.701     | (59.900.614.745)    |
| Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ         | 50    | (325.168.126.737)   | 65.251.315.365      |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                            | 60    | 1.148.046.548.327   | 803.888.428.202     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ    | 61    | (718.613.599)       | (972.248.114)       |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                           | 70    | 822.159.807.991     | 868.167.495.453     |

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phan Diệp Quế Trâm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 29 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất sắt, thép, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

**3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.****4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 1.204 người (ngày 01 tháng 01 năm 2024: 1.221 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có năm (5) công ty con. Chi tiết như sau:

| Danh sách công ty con                                                                                                                                                                                | Tỷ<br>sở<br>hữu(%) | Tỷ<br>lệ<br>biểu<br>quyết(%) |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|
| <b>1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An</b><br>Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu Công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam                                  | 100                | 100                          |
| <b>2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng</b><br>Địa Chỉ: Lô E2, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                            | 100                | 100                          |
| <b>3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương</b><br>Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 100                | 100                          |
| <b>4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh</b><br>Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                       | 100                | 100                          |
| <b>5. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ</b><br>Địa chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu Công Nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hòa, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam            | 100                | 100                          |



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)***Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024***II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa để bán lại - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)***Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024***3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**5. Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024*

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**7. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc thiết bị         | 5 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải      | 5 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng       | 3 - 8 năm  |
| Phần mềm máy tính        | 3 - 8 năm  |

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**11. Các khoản đầu tư***Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)***Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024***Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư**

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**13. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

**14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)***Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024***15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

***Quỹ khen thưởng, phúc lợi***

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**16. Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**17. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

***Tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Cổ tức***

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**18. Thuế*****Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)***Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024****Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)***

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết

định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                    | 30/06/2024             | 01/01/2024               |
|--------------------|------------------------|--------------------------|
|                    | VND                    | VND                      |
| Tiền mặt           | 711.878.103            | 217.079.493              |
| Tiền gửi ngân hàng | 821.447.929.888        | 1.147.829.468.834        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>822.159.807.991</b> | <b>1.148.046.548.327</b> |

**2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

|                    | 30/06/2024               | 01/01/2024               |
|--------------------|--------------------------|--------------------------|
|                    | VND                      | VND                      |
| <b>Ngắn hạn</b>    |                          |                          |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 721.600.000.000          | 661.600.000.000          |
| Trái phiếu         | 1.950.461.926.772        | 1.494.459.870.662        |
| <b>CỘNG</b>        | <b>2.672.061.926.772</b> | <b>2.156.059.870.662</b> |
| <b>Dài hạn</b>     |                          |                          |
| Trái phiếu         | 270.640.000.000          | 270.640.000.000          |
| <b>CỘNG</b>        | <b>270.640.000.000</b>   | <b>270.640.000.000</b>   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>2.942.701.926.772</b> | <b>2.426.699.870.662</b> |

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

|                                         | 30/06/2024               | 01/01/2024               |
|-----------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                         | VND                      | VND                      |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> |                          |                          |
| Các khách hàng khác                     | 1.505.838.956.419        | 1.746.346.374.898        |
| Phải thu từ các bên liên quan           | 448.297.830.300          | 463.670.027.403          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        | <b>1.954.136.786.719</b> | <b>2.210.016.402.301</b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi      | (25.637.962.991)         | (24.968.629.207)         |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                    | <b>1.928.498.823.728</b> | <b>2.185.047.773.094</b> |

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Mẫu số B09 – DN

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số thuế : 3700255880

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

|                                                        | 30/06/2024<br>VND     | 01/01/2024<br>VND     |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>NGẮN HẠN</b>                                        |                       |                       |
| Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát | 10.727.916.051        | 10.070.882.386        |
| Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông      | 11.040.350.378        | 8.072.170.518         |
| Công Ty Cổ Phần Thép Hòa Phát Dung Quất                | 31.727.332.296        | -                     |
| Nhà cung cấp khác                                      | 5.498.215.918         | 9.005.953.297         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                       | <b>58.993.814.643</b> | <b>27.149.006.201</b> |

**5. PHẢI THU KHÁC**

|                               | 30/06/2024<br>VND     | 01/01/2024<br>VND     |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>               |                       |                       |
| Ký quỹ, ký cược               | 25.195.945.498        | 385.566.000           |
| Phải thu chi hộ               | 7.947.880.598         | 6.645.832.598         |
| Lãi dự thu                    | 33.946.751.927        | 30.669.680.176        |
| Khác                          | 1.980.175.488         | 256.699.069           |
|                               | <b>69.070.753.511</b> | <b>37.957.777.843</b> |
| <b>Dài hạn</b>                |                       |                       |
| Ký quỹ, ký cược khác          | 564.160.000           | 27.160.000            |
| Ký quỹ, ký cược bên liên quan | 4.140.000.000         | 3.259.000.000         |
|                               | <b>4.704.160.000</b>  | <b>3.286.160.000</b>  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>73.774.913.511</b> | <b>41.243.937.843</b> |

**6. HÀNG TỒN KHO**

|                                      | 30/06/2024<br>VND        | 01/01/2024<br>VND        |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thành phẩm                           | 1.814.294.383.519        | 1.803.730.234.772        |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 1.109.360.784.457        | 920.368.519.697          |
| Hàng đang đi trên đường              | 1.169.134.184.926        | 253.382.518.038          |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 45.920.421.016           | 46.110.754.622           |
| Công cụ, dụng cụ                     | 839.495.935              | 842.793.795              |
| Hàng hoá                             | 456.246.475              | 1.038.446.219            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>4.140.005.516.328</b> | <b>3.025.473.267.143</b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | (259.590.240.913)        | (83.669.602.335)         |
| <b>Giá trị thuần</b>                 | <b>3.880.415.275.415</b> | <b>2.941.803.664.808</b> |

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TÔN DÔNG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN DÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)***Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024**Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

|                                   | <b>06T-2024</b>        | <b>06T-2023</b>        |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                   | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| <b>Số đầu kỳ</b>                  | <b>83.669.602.335</b>  | <b>58.097.274.651</b>  |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ | 259.590.240.913        | 125.977.550.420        |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ  | (83.669.602.335)       | (58.097.274.651)       |
| <b>Số cuối kỳ</b>                 | <b>259.590.240.913</b> | <b>125.977.550.420</b> |

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                             | <b>30/06/2024</b>      | <b>01/01/2024</b>      |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
|                             | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| <b>Ngắn hạn</b>             | <b>15.876.677.138</b>  | <b>17.239.229.524</b>  |
| Công cụ, dụng cụ đang dùng  | 9.884.518.508          | 10.267.906.741         |
| Khác                        | 5.992.158.630          | 6.971.322.783          |
| <b>Dài hạn</b>              | <b>264.417.747.236</b> | <b>260.488.810.186</b> |
| Tiền thuê đất trả trước (*) | 172.346.203.855        | 175.137.333.967        |
| Công cụ, dụng cụ đang dùng  | 71.872.155.990         | 67.632.037.603         |
| Khác                        | 20.199.387.391         | 17.719.438.616         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>280.294.424.374</b> | <b>277.728.039.710</b> |

*(\*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng*



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)***Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục                      | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị      | Phương tiện vận tải    | Thiết bị văn phòng    | Tổng cộng                |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>              |                          |                          |                        |                       |                          |
| Tại ngày 01/01/2024            | 704.046.682.471          | 3.430.849.145.579        | 142.591.898.373        | 15.773.059.262        | 4.293.260.785.685        |
| Mua trong kỳ                   | 336.605.200              | 1.117.688.859            | 818.163.636            |                       | 2.272.457.695            |
| Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ   |                          | (141.580.137)            |                        |                       | (141.580.137)            |
| <b>Tại ngày 30/06/2024</b>     | <b>704.383.287.671</b>   | <b>3.431.825.254.301</b> | <b>143.410.062.009</b> | <b>15.773.059.262</b> | <b>4.295.391.663.243</b> |
| <b>Trong đó:</b>               |                          |                          |                        |                       |                          |
| <b>Đã khấu hao hết</b>         | <b>23.013.429.761</b>    | <b>331.975.594.568</b>   | <b>16.708.725.896</b>  | <b>12.093.899.188</b> | <b>383.791.649.413</b>   |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế</b> |                          |                          |                        |                       |                          |
| Tại ngày 01/01/2024            | 222.423.017.989          | 2.068.473.729.347        | 100.638.296.058        | 14.292.097.156        | 2.405.827.140.550        |
| Khấu hao trong kỳ              | 15.841.557.071           | 129.459.645.920          | 6.838.848.044          | 324.804.822           | 152.464.855.857          |
| Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ   |                          | (141.580.137)            |                        |                       | (141.580.137)            |
| <b>Tại ngày 30/06/2024</b>     | <b>238.264.575.060</b>   | <b>2.197.791.795.130</b> | <b>107.477.144.102</b> | <b>14.616.901.978</b> | <b>2.558.150.416.270</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>         |                          |                          |                        |                       |                          |
| Tại ngày 01/01/2024            | 481.623.664.482          | 1.362.375.416.232        | 41.953.602.315         | 1.480.962.106         | 1.887.433.645.135        |
| <b>Tại ngày 30/06/2024</b>     | <b>466.118.712.611</b>   | <b>1.234.033.459.171</b> | <b>35.932.917.907</b>  | <b>1.156.157.284</b>  | <b>1.737.241.246.973</b> |



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

| Khoản mục                         | Quyền sử dụng<br>đất   | Phần mềm máy<br>tính  | Đơn vị tính: VND<br>Tổng cộng |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| <b>Nguyên giá:</b>                |                        |                       |                               |
| Tại ngày 01/01/2024               | 117.526.300.000        | 20.251.226.727        | 137.777.526.727               |
| Mua mới                           |                        | 2.813.950.000         | 2.813.950.000                 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | -                      | -                     | -                             |
| <b>Tại ngày 30/06/2024</b>        | <b>117.526.300.000</b> | <b>23.065.176.727</b> | <b>140.591.476.727</b>        |
| <b>Trong đó:</b>                  |                        |                       |                               |
| Đã khấu hao hết                   | -                      | 12.058.711.727        | 12.058.711.727                |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>    |                        |                       |                               |
| Tại ngày 01/01/2024               | -                      | 16.370.018.216        | 16.370.018.216                |
| Hao mòn trong kỳ                  | -                      | 745.673.979           | 745.673.979                   |
| <b>Tại ngày 30/06/2024</b>        | <b>-</b>               | <b>17.115.692.195</b> | <b>17.115.692.195</b>         |
| <b>Giá trị còn lại:</b>           |                        |                       |                               |
| Tại ngày 01/01/2024               | 117.526.300.000        | 3.881.208.511         | 121.407.508.511               |
| <b>Tại ngày 30/06/2024</b>        | <b>117.526.300.000</b> | <b>5.949.484.532</b>  | <b>123.475.784.532</b>        |

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

|                  | 30/06/2024            | 01/01/2024           |
|------------------|-----------------------|----------------------|
|                  | VND                   | VND                  |
| Mua sắm tài sản  | 34.500.671.364        | -                    |
| Khác             | 2.581.746.000         | 3.925.940.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>37.082.417.364</b> | <b>3.925.940.000</b> |



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

|                                                   | 30/06/2024             |          | 01/01/2024             |          |
|---------------------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                                   | VND                    |          | VND                    |          |
|                                                   | Giá gốc                | % sở hữu | Giá gốc                | % sở hữu |
| Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An    | 43.000.000.000         | 100      | 43.000.000.000         | 100      |
| Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng    | 50.000.000.000         | 100      | 50.000.000.000         | 100      |
| Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương | 42.600.000.000         | 100      | 42.600.000.000         | 100      |
| Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh   | 9.000.000.000          | 100      | 9.000.000.000          | 100      |
| Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ       | 10.000.000             | 100      | -                      | 100      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b>144.610.000.000</b> |          | <b>144.600.000.000</b> |          |

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                | 30/06/2024               | 01/01/2024               |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                | VND                      | VND                      |
| <b>NGẮN HẠN</b>                |                          |                          |
| Phải trả cho người bán khác    | 1.024.200.534.629        | 636.370.400.593          |
| Phải trả cho các bên liên quan | 1.130.856.908.371        | 690.778.111.968          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>2.155.057.443.000</b> | <b>1.327.148.512.561</b> |



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|                               | 30/06/2024            | 01/01/2024            |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                               | VND                   | VND                   |
| Able Sheet Metal, Inc         | 6.224.506.735         | 6.957.526.383         |
| Mareso Pte Ltd                | 12.870.571.324        | 6.971.615.930         |
| PT.Great Fortune              | 8.266.381.263         | 8.266.381.263         |
| PT.Kepuh Kencana Arum         | 8.905.406.464         | 5.724.622.436         |
| Người mua trả tiền trước khác | 24.742.772.858        | 33.632.016.655        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>61.009.638.644</b> | <b>61.552.162.667</b> |

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

|                            | Số dư tại ngày<br>01/01/2024 | Tăng trong năm         | Giảm trong năm         | Số dư tại ngày<br>30/06/2024 |
|----------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------------|
| <b>Phải thu</b>            |                              |                        |                        |                              |
| Thuế GTGT được khấu trừ    | 171.457.200.058              | 923.376.318.010        | 714.692.184.914        | 380.141.333.154              |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                            | -                      | -                      | -                            |
| Thuế khác                  | -                            | -                      | -                      | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>171.457.200.058</b>       | <b>923.376.318.010</b> | <b>714.692.184.914</b> | <b>380.141.333.154</b>       |
| <b>Phải trả</b>            |                              |                        |                        |                              |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 17.895.149.645               | 97.683.684.577         | 17.895.149.645         | 97.683.684.577               |
| Thuế giá trị gia tăng      | 6.888.751.400                | 616.499.551.686        | 593.011.703.943        | 30.376.599.143               |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 5.042.795.761                | 4.996.103.611          | 9.320.274.392          | 718.624.980                  |
| Thuế nhập khẩu             | 24.403.314                   | 481.453.121            | 497.759.934            | 8.096.501                    |
| Thuế bảo vệ môi trường     | 32.400.000                   | 129.600.000            | 162.000.000            | -                            |
| Thuế khác                  | -                            | 105.092.578            | 105.092.578            | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>29.883.500.120</b>        | <b>719.895.485.573</b> | <b>620.991.980.492</b> | <b>128.787.005.201</b>       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024*

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                  | 30/06/2024            | 01/01/2024             |
|------------------|-----------------------|------------------------|
|                  | VND                   | VND                    |
| UPAS L/C (*)     | -                     | 524.591.263.848        |
| Khác             | 14.308.792.846        | 4.311.794.412          |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>14.308.792.846</b> | <b>528.903.058.260</b> |

(\*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

**16. VAY NGẮN HẠN**

|                                          | 30/06/2024               | 01/01/2024               |
|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                          | VND                      | VND                      |
| Vay ngắn hạn                             |                          |                          |
| Vay ngân hàng                            | 6.189.311.517.109        | 5.715.254.806.743        |
| Trái phiếu chuyển đổi(Thuyết minh số 17) | -                        | 55.685.663.962           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         | <b>6.189.311.517.109</b> | <b>5.770.940.470.705</b> |

**16. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

|                                                                     | 30/06/2024               |                   | 01/01/2024               |                   |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|-------------------|
|                                                                     | VND                      | USD               | VND                      | USD               |
| Vay và nợ ngắn hạn                                                  | 6.189.311.517.109        | 82.681.653        | 5.770.940.470.705        | 81.810.692        |
| <b>Vay ngắn hạn ngân hàng - VND</b>                                 | <b>4.093.815.174.267</b> |                   | <b>3.725.916.920.295</b> |                   |
| Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM            | 1.786.147.373.109        |                   | 1.944.663.968.127        |                   |
| Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình          | 1.252.030.059.373        |                   | 814.370.985.444          |                   |
| Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)                       | 191.267.356.719          |                   | 179.258.584.218          |                   |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương                  | 332.010.995.912          |                   | 431.269.510.672          |                   |
| Ngân hàng United Overseas - CN HCM                                  | 84.088.568.958           |                   | 102.593.316.731          |                   |
| Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn                        | 448.270.820.196          |                   | 253.760.555.103          |                   |
| <b>Vay ngắn hạn ngân hàng - USD</b>                                 | <b>2.095.496.342.842</b> | <b>82.681.653</b> | <b>1.989.337.886.448</b> | <b>81.810.692</b> |
| Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình          | 813.623.385.803          | 32.014.234        | 1.331.684.711.515        | 54.880.633        |
| Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM            | 178.304.363.043          | 7.000.564         | 103.310.714.136          | 4.229.712         |
| Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi Nhánh Sài Gòn | 260.111.937.415          | 10.540.811        | -                        | -                 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương                  | 646.257.890.837          | 25.370.309        | 554.342.460.797          | 22.700.346        |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành                            | 197.198.765.744          | 7.755.734         |                          |                   |
| Trái phiếu(Thuyết minh số 17)                                       | -                        |                   | 55.685.663.962           |                   |
| <b>TỔNG</b>                                                         | <b>6.189.311.517.109</b> | <b>82.681.653</b> | <b>5.770.940.470.705</b> | <b>81.810.692</b> |

Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 3,40%/năm đến 4,00%/năm và bằng USD là từ 3,6%/năm đến 5,30%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu, hợp đồng tiền gửi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**17. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

|                                                      | Thời điểm phát hành | Kỳ hạn | Số lượng trái phiếu | Mệnh giá | Lãi suất danh nghĩa | Lãi suất chiết khấu | Cấu phần vốn  | Cấu phần nợ    |
|------------------------------------------------------|---------------------|--------|---------------------|----------|---------------------|---------------------|---------------|----------------|
|                                                      | (năm)               |        |                     | (VND)    | (%/năm)             | (%/năm)             | (VND)         | (VND)          |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2024 và ngày 30 tháng 06 năm 2024 | 2014                | 3 năm  | 559.067             | 100.000  | 5                   | 6,3                 | 1.931.977.742 | 55.685.663.962 |

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu ("HĐĐMTP") với Công ty TNHH Posco Việt Nam ("Posco"). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 9 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2026.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

|                                | Vốn góp của chủ sở hữu   | Thặng dư vốn cổ phần   | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư và phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng                |
|--------------------------------|--------------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| <b>Năm 2023</b>                |                          |                        |                                  |                         |                          |                                   |                          |
| Tại ngày 01/01/2023            | 1.146.915.100.000        | 834.436.453.483        | 1.931.977.742                    | -                       | 3.430.602.730            | 1.442.431.917.787                 | 3.429.146.051.742        |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ       |                          |                        |                                  |                         |                          | 197.366.074.965                   | 197.366.074.965          |
| <b>Tại ngày 30/06/2023</b>     | <b>1.146.915.100.000</b> | <b>834.436.453.483</b> | <b>1.931.977.742</b>             | <b>-</b>                | <b>3.430.602.730</b>     | <b>1.639.797.992.752</b>          | <b>3.626.512.126.707</b> |
| <b>Năm 2024</b>                |                          |                        |                                  |                         |                          |                                   |                          |
| Tại ngày 01/01/2024            | 1.146.915.100.000        | 834.436.453.483        | 1.931.977.742                    | -                       | 3.430.602.730            | 1.579.503.082.340                 | 3.566.217.216.295        |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ       |                          |                        |                                  |                         |                          | 241.053.536.413                   | 241.053.536.413          |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi |                          |                        |                                  |                         |                          | (25.176.267.454)                  | (25.176.267.454)         |
| <b>Tại ngày 30/06/2024</b>     | <b>1.146.915.100.000</b> | <b>834.436.453.483</b> | <b>1.931.977.742</b>             | <b>-</b>                | <b>3.430.602.730</b>     | <b>1.795.380.351.299</b>          | <b>3.782.094.485.254</b> |



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

|                    | <b>06T-2024</b>                 | <b>06T-2023</b>                 |
|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                    | <b>VND</b>                      | <b>VND</b>                      |
| <b>Vốn cổ phần</b> |                                 |                                 |
| Số đầu kỳ          | 1.146.915.100.000               | 1.146.915.100.000               |
| Tăng trong kỳ      | -                               | -                               |
| Giảm trong kỳ      | -                               | -                               |
| Số cuối kỳ         | <u><u>1.146.915.100.000</u></u> | <u><u>1.146.915.100.000</u></u> |

**18.3 Cổ phiếu**

|                                         | <b>30/06/2024</b>  | <b>01/01/2024</b>  |
|-----------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                         | <b>VND</b>         | <b>VND</b>         |
|                                         | <b>Số cổ phiếu</b> | <b>Số cổ phiếu</b> |
| Cổ phiếu được phép phát hành            | 114.691.510        | 114.691.510        |
| Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 114.691.510        | 114.691.510        |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>               |                    |                    |
| Cổ phiếu đang lưu hành                  | 114.691.510        | 114.691.510        |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>               |                    |                    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                               | <b>06T-2024</b><br><b>VND</b> | <b>06T-2023</b><br><b>VND</b> |
|-----------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>9.989.521.826.825</b>      | <b>8.663.443.165.262</b>      |
| <i>Trong đó:</i>                              |                               |                               |
| <i>Các bên khác</i>                           | 8.946.132.771.868             | 7.785.331.718.534             |
| <i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>    | 1.043.389.054.957             | 878.111.446.728               |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>           | <b>6.677.484.467</b>          | <b>7.532.527.223</b>          |
| <b>DOANH THU THUẦN</b>                        | <b>9.982.844.342.358</b>      | <b>8.655.910.638.039</b>      |
| <i>Trong đó:</i>                              |                               |                               |
| <i>Các bên khác</i>                           | 8.939.455.287.401             | 7.778.519.723.403             |
| <i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>    | 1.043.389.054.957             | 877.390.914.636               |

**1.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                      | <b>06T-2024</b><br><b>VND</b> | <b>06T-2023</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu    | 110.266.456.037               | 135.418.134.147               |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác | 100.871.866.340               | 86.488.755.834                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>211.138.322.377</b>        | <b>221.906.889.981</b>        |

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                      | <b>06T-2024</b><br><b>VND</b> | <b>06T-2023</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 8.924.383.162.729             | 7.973.467.634.454             |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | 175.920.638.578               | 67.880.275.769                |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>9.100.303.801.307</b>      | <b>8.041.347.910.223</b>      |



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                     | <b>06T-2024</b>        | <b>06T-2023</b>        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Chi phí lãi vay                     | 116.453.334.119        | 173.673.790.060        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác | 49.234.615.672         | 25.686.032.722         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>165.687.949.791</b> | <b>199.359.822.782</b> |

**4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                 | <b>06T-2024</b>        | <b>06T-2023</b>        |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                 | <b>VND</b>             | <b>VND</b>             |
| Chi phí vận chuyển và giao hàng | 495.374.841.190        | 284.455.869.653        |
| Chi phí nhân viên               | 23.959.812.656         | 22.445.780.334         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài       | 70.345.084.922         | 101.900.960.171        |
| Chi phí khấu hao TSCĐ           | 2.994.566.135          | 2.929.402.826          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>592.674.304.903</b> | <b>411.732.012.984</b> |



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                         | <b>06T-2024</b>       | <b>06T-2023</b>       |
|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                         | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài               | 14.819.254.846        | 9.932.621.342         |
| Chi phí nhân viên                       | 17.969.394.786        | 18.505.339.591        |
| Chi phí khấu hao và hao mòn             | 2.973.814.515         | 2.878.000.771         |
| Dự phòng(hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi | 669.333.784           | (5.042.450.394)       |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        | <b>36.431.797.931</b> | <b>26.273.511.310</b> |

**6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

|                          | <b>06T-2024</b>      | <b>06T-2023</b>      |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
|                          | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Thu nhập khác            | 4.540.764.329        | 2.105.696.383        |
| Thu nhập từ bán phế liệu | 3.839.859.698        | 1.791.630.939        |
| Thanh lý tài sản cố định | 5.603.637            | -                    |
| Khác                     | 695.300.994          | 314.065.444          |
| <b>Chi phí khác</b>      | <b>6.348.614</b>     | <b>48.468</b>        |
| Tiền phạt thuế           | 6.348.614            | 48.468               |
| <b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>    | <b>4.534.415.715</b> | <b>2.105.647.915</b> |

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

|                             | <b>06T-2024</b>       | <b>06T-2023</b>      |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|
|                             | <b>VND</b>            | <b>VND</b>           |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 97.683.684.577        | 14.557.138.990       |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại  | (35.317.994.472)      | (10.713.295.319)     |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>    | <b>62.365.690.105</b> | <b>3.843.843.671</b> |



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ nay và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan                   | Mối quan hệ                    | Nội dung nghiệp vụ                | 06T-2024          | 06T-2023          |
|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tôn Đông Á Long An              | Công ty con                    | Bán hàng                          | 437.219.273.823   | 235.909.584.523   |
|                                 |                                | Mua dịch vụ                       | 2.699.951.500     | 911.093.440       |
|                                 |                                | Cho vay                           | -                 | 106.000.000.000   |
|                                 |                                | Lãi cho vay                       | -                 | 1.882.298.630     |
| Tôn Đông Á Bắc Ninh             | Công ty con                    | Bán hàng                          | 370.361.419.665   | 401.868.787.770   |
| Tôn Đông Á Đà Nẵng              | Công ty con                    | Bán hàng                          | 180.632.655.083   | 199.233.965.067   |
| Tôn Đông Á Bình Dương           | Công ty con                    | Mua dịch vụ                       | 75.268.507.780    | 72.239.862.954    |
|                                 |                                | Bán dịch vụ                       | 960.000.000       | 960.000.000       |
|                                 |                                | Công ty con chi hộ cho công ty mẹ | 1.961.752.925     | 3.061.412.212     |
|                                 |                                | Ký quỹ, ký cược                   | 4.140.000.000     | 3.259.000.000     |
| Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam | Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần | Bán hàng                          | 54.215.706.386    | 39.418.577.276    |
|                                 |                                | Mua hàng                          | 2.349.188.199.166 | 1.198.797.122.590 |
| Bà Lê Thị Phương Loan           | Thành viên HĐQT                | Chi trả nợ gốc vay                | -                 | 23.600.000.000    |
|                                 |                                | Lãi vay                           | -                 | 545.578.082       |



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan                                                  | Mối quan hệ                    | Nội dung nghiệp vụ      | Tại ngày 30/06/2024      | Tại ngày 01/01/2024    |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu khác dài hạn</b> |                                |                         |                          |                        |
| Tôn Đông Á Long An                                             | Công ty con                    | Bán thành phẩm          | 237.137.145.955          | 248.195.944.557        |
| Tôn Đông Á Bắc Ninh                                            | Công ty con                    | Bán thành phẩm          | 96.230.755.247           | 97.563.535.633         |
| Tôn Đông Á Đà Nẵng                                             | Công ty con                    | Bán thành phẩm          | 112.328.467.795          | 117.558.547.213        |
| Tôn Đông Á Bình Dương                                          | Công ty con                    | Cung cấp dịch vụ        | -                        | 352.000.000            |
|                                                                |                                | Ký quỹ, ký cược         | 4.140.000.000            | 3.259.000.000          |
| Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam                                | Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần | Bán hàng                | 2.601.461.303            | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                               |                                |                         | <b>452.437.830.300</b>   | <b>466.929.027.403</b> |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>                             |                                |                         |                          |                        |
| Tôn Đông Á Bình Dương                                          | Công ty con                    | Mua dịch vụ             | 15.173.480.306           | 15.319.245.390         |
| Tôn Đông Á Long An                                             | Công ty con                    | Mua thành phẩm, dịch vụ | 834.861.880              | 576.029.800            |
| Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam                                | Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần | Mua hàng                | 1.114.848.566.185        | 674.882.836.778        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                               |                                |                         | <b>1.130.856.908.371</b> | <b>690.778.111.968</b> |
| <b>Phải trả khác ngắn hạn</b>                                  |                                |                         |                          |                        |
| Tôn Đông Á Bình Dương                                          | Công ty con                    | Chi hộ                  | 754.252.600              | 672.152.944            |



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG(TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc như sau:

| Tên                      | Chức vụ           | Thu nhập (*)         |                      |
|--------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
|                          |                   | 06T-2024             | 06T-2023             |
| Ông Nguyễn Thanh Trung   | Chủ tịch HĐQT     | 1.325.400.000        | 1.455.526.289        |
|                          | Thành viên HĐQT,  |                      |                      |
| Ông Hồ Song Ngọc         | Tổng Giám đốc     | 1.441.513.391        | 1.252.375.430        |
|                          | Thành viên HĐQT,  |                      |                      |
| Ông Phạm Quốc Thắng      | Phó Tổng Giám đốc | 1.147.379.999        | 988.950.999          |
|                          | Thành viên HĐQT,  |                      |                      |
| Ông Đoàn Vĩnh Phước      | Phó Tổng Giám đốc | 1.139.987.378        | 991.422.346          |
| Ông Nguyễn Văn Đại       | Phó Tổng Giám đốc | 1.109.095.475        | 971.397.867          |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh | Thành viên HĐQT   | 11.400.000           | 11.400.000           |
| Bà Lê Thị Phương Loan    | Thành viên HĐQT   | 6.000.000            | 6.000.000            |
| Ông Ngô Văn Sinh         | Thành viên HĐQT   | -                    | -                    |
| Ông Đoàn Danh Tuấn       | Thành viên HĐQT   | -                    | -                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         |                   | <b>6.180.776.243</b> | <b>5.677.072.931</b> |

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Bình Dương, ngày 29 tháng 07 năm 2024

**Người lập**

(Ký, họ tên)

Phan Diệp Quế Trâm

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc